



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 214392

VEWL.# :

I-171 : Yes, ✓ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Duy Trai
Last Middle First
- Current Address 27/37 Dien Bien Phu Phường 15 Quận Bình Thạnh Hochiminh City
- Date of Birth 07-16-1936 Place of Birth Hải Phòng
- ARVN Lieutenant (62-66)
- Previous Occupation (before 1975) - GVN specialist (70-72) - Chief Dept. of Housing Management (12-75)
(Rank & Position) Housing Development High Commission GVN
(11/04/30/75 01/05/76)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 08/06/81 To 09/19/87
3. SPONSOR'S NAME: Kim Tran
Name
48 Almond tree Lane Irvine CA 92715 (714) 839-1444
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>Trungson Nguyen</u>	<u>Son</u>
<u>48 Almond tree Lane</u>	
<u>Irvine CA 92715 (714) 839-1444</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

42. 10

— 1

1. **Application**
 2. **Identification**
 3. **Research**
 4. **Vice**

Date _____



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: _____

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DUY TRAI
Last Middle First

Current Address: 27/37 D'Esplanade Phu - P15 - Binh Thanh HCMC

Date of Birth: 06-16-1936 Place of Birth: Ha Dong

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant
(Rank & Position) U.S. Trainee

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04-75 To 01-05-76
08-81 Years: 07 Months: _____ Days: 09-19-87

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

Hội Gia đình tù nhân chính trị Việt Nam
Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435 Arlington Va 22205-0635
Tel.

Intake FORM (2 copies)
(mẫu đơn về lý lịch)

Name NGUYEN DUY TRAI
(Tên tù nhân) last middle first
Date, place of birth : July 16, 1936 Hải Dương
(ngày, nơi sinh)
Sex (nam, nữ) : male (nam)
Marital status (hình thức gia đình) Married (li gia đình)
Address in Viet Nam : 27/37 Điện Biên Phủ - Phường 15. Q Bình Thạnh
(Địa chỉ tại VN) Hồ Chí Minh City V.Nam
Political Prisoner : Yes.
(Li lịch tù nhân chính trị tại VN này) } from April 30, 1975 to January 5, 1976
(trình diện Học tập cải tạo) } Under local government surveillance to Feb 5, 1977.
concentrated for Re-Education
Arrested with motive: Anti VC gov. } from August 6, 1981 to Sept. 19, 1987.
(Li lịch về tội chính trị)
Places of Re-Education Camp: trại Long Thành (April 1975 - 1976)
Khánh Gian Trưng Bửu (August 1981 - August 1982)
Khánh Chi Hòa (August 1982 - August 1983)
Trại Cải tạo Tân Hiệp Bình Lodge (August 1983 - Sept. 1987)
Profession (nghề) : teacher, Administrator
Education in US : AID Program - yes, from Feb 22 1967 to June 1970
(Đã học Mỹ) Pol. Science / Pub. Administration - Calif. State University, Long Beach
VN Army (Quân đội VN) : mil. number (Số quân) : 56/104912 -
Rank : lieutenant 2nd Corps VN Army - (1962 - 1966)
Honorable discharged : Sept. 1966.
VN government (chức vụ tại VN) : - Specialist of GVN (1970 - 1972) (chuyên viên)
- Chief Department of Housing Management - (1972-1975)
Housing Development High Commission GVN.
(Chức vụ 88 điều hành Tổng cục phát triển gia cư VN)
Application for ODP yes, IV : 214392.
(Đã nộp đơn cho ODP) (có)

Number of dependents accompanying : 03 (one wife & 2 children)
(Số người đi theo) : 03 (một vợ & 2 con)

Mailing Address in VN : 27/37 Đường Bưởi Phường 15 -
(Địa chỉ liên lạc tại VN) Q. Bưởi Thành - Hồ Chí Minh City Việt Nam.

Name & address of sponsor/relative : NGUYEN DUY TRUONG SON (skidat)
(tên, địa chỉ của người bảo trợ hay thân nhân ở ngoài quốc gia) 4151 Glenwood IRVINE. Calif. 92714
US citizen 1988.

Relationship of sponsor : Son

Name & Address - Signature of Informant : Nguyễn Duy TRẠI
(người đứng tên)

Name & Address of principal Applicant (PA): Nguyễn Duy TRẠI
(người giữ vai chủ xin đi)
27/37 Đường Bưởi Phường 15 - Q. Bưởi Thành
Hồ Chí Minh City Việt Nam.

Date November 25, 1988
Nguyễn Duy TRẠI

Name of Dependent/accomp. Relatives	Date of birth	Relationship of P.A.
1- Nguyễn Thị Đoan	1937	Wife (vợ)
2- Nguyễn Thị Hoa Lê	1974	daughter (con)
3- Nguyễn Duy Tiến Trường	1975	Son (con)

Additional Information :
(những điều cần thêm)

Bảo lãnh của tư nhân cá nhân - Hộ gia đình tư nhân chính tại VN
P.O. Box 5435 - Arlington Va.
22205-0635 - Tel)
(Bà Thảo)

Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam
Families of Vietnamese Political Prisoners Association
PO Box 5435 Arlington Va 22205-0635
Tel. 703-560.0058.

Intake Form (2 copies)
(hãy điền về lý lịch)

Name (tên họ tên) NGUYEN DUU TRAI
last middle first

Date, place of birth : July 16, 1936 Hải Phòng
(ngày, nơi sinh)

Sex (nam, nữ) : male (nam)

Marital Status (tình trạng gia đình) : Married (có gia đình)

Address in Việt Nam : 27/37 Điện Biên Phủ, Phường 15.
(trụ sở tại VN) Q. Bình Thạnh, Ho Chi Minh City Việt Nam

Political Prisoner : yes,
(có là tù nhân chính trị không)

Concentrated for Re-Education (tập trung học tập cải tạo) from April, 1975 to January 5, 1976.
under local gov. surveillance to Feb. 5, 1977.

Arrested (anti-VG government) (bị bắt vì tội chống lại -) from Aug. 6, 1981 to Sept 19, 1987.

Places of Re Education Camp { Trại cải tạo Bồng - Thanh (April 1975 - 1976)
Khánh Hòa - Diên (Aug. 1981 - Aug. 1982)
Khánh Chi Hòa (Aug. 1982 - Aug. 1983)
Trại cải tạo Tân Hiệp (Aug 1983 - Sept 1987)
Prison Long.

Profession (nghề) Teacher, Administrator

Education in US : yes, AID program, from Feb 1967 to June 1970
(ở học Mỹ) Political Science / Pub Administration - Calif. St. Univ. Long Beach USA

VN Army (quân VN) : Sĩ quân : 56 / 104 912
Rank Lieutenant 2nd Corps VN Army (1962-1965)
Honorable Discharged : Sept. 1966.

VN Government (chức vụ VN) : - Specialist of GVN 1970-1972 (chuyên viên)
- Chief Department of Housing Management (1972-1975)
Housing Development High Commission GVN.
(chức sở điều hành Tổng Cục Phát triển nhà ở VN)

Application for ODP (đề nghị xin cho ODP) : yes, IV : 214392
(có)

Number of Dependent accompanying : 03 (one wife & 2 children)
(đi cùng với họ) tin tức nhân ghi chi tiết ở dưới.

Mailing Address in VN 27/37 Đường Bưởi, Phường 15
(địa chỉ liên lạc tại VN) & Quận Thanh - Hồ Chí Minh City VN

Name & Address of sponsor/relative : NGUYEN-DUY-TRUONG-SBN
4157 Glenwood IRVINE. Calif 92714. (Student)
US citizen 1988.

Relationship of sponsor : Son

Name & Address Signature of Informant Nguyễn-Duy-TRAI
(người ký tên)

Name & Address of principal Applicant (PA) NGUYEN-Duy-TRAI
(người giữ vai chính xin đi)

27/37 Đường Bưởi, Phường 15 - Quận Thanh
Hồ Chí Minh City Vietnam.

Date : December 25, 1988
Nguyễn Duy Trai -

Name of dependent/accomp. Relatives	Date of birth	Relationship of P. A.
1- Nguyễn Thị Đoan	1937	wife (vợ)
2- Nguyễn Thị Hòa Lê	1974	daughter (con)
3- Nguyễn Duy Tím Thuận	1975	Son (con)

Additional Information
(những điều cần thêm)

Địa chỉ liên lạc tin tức nhân xin đi tại VN

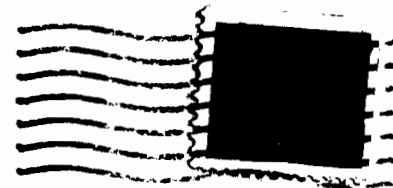
P.O. Box 5435 Arlington Va.

22205-0635 - Tel

-(Bà Thảo)

Fr: Nguyễn Trường Sơn

Irvine CA



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Po Box 5435

Arlington Va 22205-0635

BỘ NỘI VỤ
Trại **Tân Hiệp**
Số **653** /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **109/QĐ - P024** ngày **14** tháng **09** năm **1987**

của **GIÁM ĐỐC CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN DUY TRẠI** Sinh năm **36**

Các tên gọi khác:

Nơi sinh **Hải Hưng**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1139 BIS Tự Lập Phường 5 Tân Bình

Can tội **Tham gia tổ chức phản cách mạng.**

Bị bắt ngày **06/08/1981** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số **308** ngày **9** tháng **11** năm **1982** của

Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh.

Đã bị tăng án **lần, cộng thành** năm tháng

Đã được giảm án **lần, cộng thành** năm tháng

Nay về cư trú tại **1139 BIS T. Lập Phường 5 Tân Bình.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Cứ tạo không vi phạm tái mới.
Tha về ở trú quán.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm **19**

Lưu tay ngôn trở phải

Nguyễn Duy Trại.

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

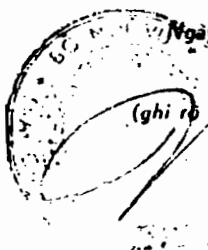
người được cấp giấy


Nguyễn Duy Trại

Ngày tháng năm **19**

Trưởng trại

(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)


Trưởng trại
Nguyễn Duy Trại

Cong

Kính thưa Ông / Bà

Đính kèm trong thư là những giấy tờ mà
tôi gởi tới gồm có:

- giấy tờ khai sinh của (tôi, và gia đình còn ở VN)
- giấy hôn thú của Bà Mẹ tôi
- giấy nhập ngũ & du học, cải tạo (2 lần) của Bố tôi.
- giấy questionnaire của ODP.
- Ngoài ra tôi gởi kèm tiền niêm liễm cho hội

Tuy nhiên, tôi đã làm mất tờ giấy đơn xin gia nhập hội.
Mong Ông / Bà thứ lỗi.

Kính thư

- Nếu Hội còn cần những giấy tờ nào khác, xin liên lạc
với tôi qua địa chỉ

Xin Cảm ơn.

Irvine CA

Kính thưa Ông/Bà

Đính kèm trong thư là những giấy tờ mà
tôi gởi tới gồm có:

- giấy tờ khai sinh của (tôi, và gia đình còn ở VN)
- giấy hôn thú của Bà Mẹ tôi
- giấy nhập ngũ & du học, cải tạo (2 lần) của Bà tôi.
- giấy questionnaire của ODP.
- Ngoài ra tôi gởi kèm tiền niêm liêm cho hội

Tuy nhiên, tôi đã làm mất tờ giấy đơn xin gia nhập hội.
Mong Ông/Bà thứ lỗi.

Kính thư

- Nếu Hội còn cần những giấy tờ nào khác, xin liên lạc
với tôi qua địa chỉ . Xin Cảm ơn .

TRUONGSON D. NGUYEN

Aug 10 1989

Association

Family of Vietnamese Political Prisoners \$ 40.00

Forty

DOLLARS

Century Federal Savings

AND LOAN ASSOCIATION

IRVINE OFFICE

14441 Culver Drive • Irvine, CA 92714

Truongson D. Nguyen

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CẤU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 214392

Date: 02-26-1988
Ngày: 02-26-1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYEN, TRAI DUY Sex: M
Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác : -
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 07 - 16 - 1936 HAI HUNG
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 27/37 Đường Biên Phủ - Phường 15 - Quận Bình Thạnh
Thành Hồ Chí Minh City, V.N.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : -
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : -

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. NGUYEN, DOAN T.	04-16-1937	Hanam	F	M	Wife
2. NGUYEN, TINH THUONG D.	27-12-75	Saigon	M	S	son
3. NGUYEN, HOA LU T.	17-11-74	Saigon	F	S	daughter
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

4

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

: NGUYEN, TRUONGSON D.

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: Son

c. Address

Địa-chỉ

: Irvine CA

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: 03 - 15 - 83

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

: -

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: -

c. Address

Địa-chỉ

: -

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: Nguyen Duy Ngoc (dead)

2. Mother

Mẹ

: Nguyen thi Hy (dead)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: Nguyễn thi Doan (living)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

: /

5. Children

Con cái:

(1) NGUYEN THI HOA LU (living)

(2) NGUYEN TINH THUC NG D. (living)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYEN, TRAI D.

2. Dates: From: 27 Aug. 1962 To: 30 Sept. 1966
Ngày, tháng, năm Từ 1972 Đến 30 April 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng a/ second lieutenant Serial Number: 56/104.912
b/ chief Department Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chúng a/ Head Quarter of 2nd Corps & Tactic Zone RVNAF.
b/ Planning Development High Commission GVN

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy a/ General VINH LOC
b/ Tr. TRAN KHANH VAN (High Commissioner)

6. Reason for Separation : a/ honorable discharged 30 September 1955)
 Lý do nghỉ việc : b/ 30 April 1975)
7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
 tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: Date received:
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đồng sở có không? Có Không

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
 ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYEN, TRAI D.
2. School and School Address : CALIFORNIA STATE UNIVERSITY, LONG BEACH
 Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From 22 Feb. 1967 To 3 June 1970
 Ngày, tháng, năm Từ: Đến:
4. Description of Courses : POLITICAL SCIENCE / MANAGEMENT Pub. Administration
 Mô-tả ngành học : (graduated in June 1970)
5. Who paid for training? : USAID
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYEN, TRAI D
2. Time in Reeducation: From: 30 April 1975 To: 31 December 1975
 Thời gian học-tập and from: 1/ 6 August 1951 To: 19 September 1957
3. Still in Reeducation?* Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Nguyễn Duy Trại

Date

Ngày:

26 Feb. 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. Giấy thi

2. Khai sinh (vợ, chồng và 2 con) x

3. Chứng chỉ ngoại ngữ (1965)

4. Chứng thư làm tại Tổng cục phát triển ngoại (1974) x

5. Bằng B.A. tại Long Beach University (1970) x

ODP-B 6. Thẻ sinh viên (1970) x

6/84 7. Giấy chứng nhận (1967-1970) x

8. Thẻ cải tạo (1975)

9. Giấy ra trại (1987) x

10 - Ảnh : vợ, chồng và 2 con)

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập — Dân chủ — Hòa bình — Thống nhất

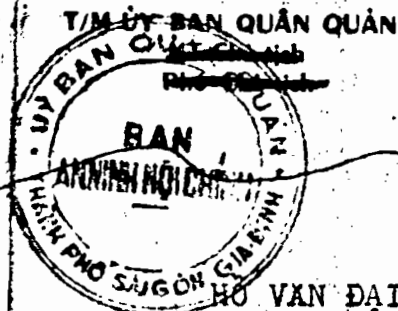
QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điều 9 của Bản tuyên bố của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam về chính sách đối với vùng mới giải phóng;
- Căn cứ vào bản công bố chính sách đối với những sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính ngụy và nhân viên trong bộ máy chính quyền của Mỹ ngụy;
- Theo đề nghị của Ban phụ trách Trại quản huấn 15-NV

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** — Quản chế NGUYỄN DUY TRẠI tuổi 1936
Quê quán Hải Hưng
Trú quán 20 lô 6 cư xã Thanh Đa Gia Định
Dân tộc Kinh
Trong thời hạn 12 tháng tại 20 lô 6 cư xã THANH ĐA GIA ĐỊNH
(kể từ 1-1/1976)
- Điều 2.** — Khi về, đương sự phải trình quyết định này với Ủy ban nhân dân cách mạng, Ban an ninh nội chính nơi mình cư trú và cơ quan nơi mình làm việc và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương.
- Điều 3.** — Ủy ban nhân dân cách mạng, Ban an ninh nội chính xã, không nơi đương sự cư trú thi hành quyết định này theo luật lệ hiện hành.

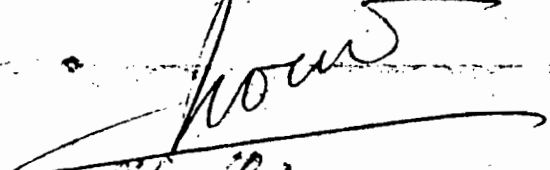
Tỉnh, thành phố HỒ C. MINH Ngày 31 tháng 12 năm 1975



Chứng thật 5/1/76.

A/S có đến trình tại chính
quyền địa phương. Kinh chuyển
ban An Ninh Phươg

chủ tịch nhóm


H. Cầm

Chứng thật

Ông Nguyễn duy Trại có đến trình đến
tại công ty xây dựng nhà 2' (là cơ quan thay
thế cho công. cơ nhà cũ - nơi mà ông Trại

đi làm việc trước đây) vào sáng ngày 6.1.1976

Thống phó H. Chí Minh Ngày 6.1.1976
T/M Công ty xây dựng nhà 2'

Phó Chủ tịch

xác nhận

Trưởng Ban



NGUYỄN MINH HÒI



Li Quang Nam

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỐ HIỆU : 014

TỈNH PLEIKU
QUẬN LÊ-TRUNG
XÃ HỘI-THƯƠNG HỘI-PHÚ

TRÍCH - LỤC
CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ

Tên, Họ người chồng : NGUYỄN-DUY-TRAI
Nghề nghiệp : Quân-nhân
Sinh ngày : Ngày 16 tháng 7 năm 1936
Tại : Hải-Dương (BV)
Cư sở tại : Hội-Thương Hội-Phú
: Quân Lê-Trung Tỉnh Pleiku
: Tam trú tại : HTHP Quân Lê-Trung Pleiku
Tên họ cha chồng : Nguyễn-Duy-Nguyễn (c)
Tên họ mẹ chồng : Nguyễn-thị-Hy (s)
Tên họ người vợ : NGUYỄN-THI-ĐOAN
Nghề nghiệp : Nồi trợ
Sinh ngày : Ngày 16 tháng 4 năm 1937
Tại : Lý-Nhân, Hà-Nam (BV)
Cư sở tại : Xã Hội-Thương Hội-Phú
: Quân Lê-Trung Tỉnh Pleiku
: Tam trú tại : Xã HTHP, Lê-Trung Pleiku
Tên họ cha vợ : Nguyễn-văn-Dạy (s)
Tên họ mẹ vợ : Trần-thị-Ty (s)
Ngày cưới : Ngày Bốn tháng Hai năm 1966
: (04.02.1966)
: Vợ chồng khai có hay không lập hôn thê : ///
: Ngày // tháng // năm // Tại : ///

TRÍCH-Y BỐN-CHÁNH

Pleiku, ngày 4 tháng 02 năm 1966

Chủ-Tịch UBHC Kiên

Văn-Chức Hộ-Tịch

THI-THỰC CHỮ-KÝ
Cử C. Phên-Đỉnh-Khen, Chủ-Tịch
UBHC Xã H.T.H.P,
Pleiku, ngày 5 tháng 02.1966
K.T. Tỉnh-Trung
Phó Tỉnh-Trung



TRẦN-CÔNG-HÀM
Phó Đốc-Sự



Buu

PHÂN-BÌNH-KHEN



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 214392

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

VEWL.# :

I-171 : Yes, ✓ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Duy Trai
Last Middle First
- Current Address 27/37 Dien Bien Phu Phường 15 Quận Bình Thạnh Hochiminhcity
- Date of Birth 07-16-1936 Place of Birth Hải dương
- ARVN Lieutenant (62-66)
- Previous Occupation (before 1975) - GVN specialist (70-72) - Chief Dept. of Housing Management (12-75)
(Rank & Position) Housing Development High Commission GVN
(1) 04/30/75 01/05/76
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 08/06/81 To 09/19/87
3. SPONSOR'S NAME: Kim Tran
Name Irvine CA
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| <u>Trongson Nguyen</u> | <u>Son</u> |
| <u>Irvine CA</u> | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyen Duy Trai
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Thi Doan	04/16/37	wife
Nguyen Thi Hoai	11/17/74	daughter
Nguyen Duy Tinh Thung		

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

711
 126
 08
 711

711

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyen Duy Trai
(listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Thi Doan	4/16/37	wife
Nguyen Thi Hoa Lu	11/17/74	daughter
Nguyen Duy Tinh Thuong	12/27/75	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DUY TRAI
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 07 16 36
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): ✓
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 27/37 Dien Bien Phu Fuong 15 Quan Binh Thanh
 (Dia chi tai Viet-Nam) Hochiminh city Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong)
 ① 04/30/75 → 01/05/76
 If Yes (Neu co): From (Tu): ② 08/06/81 To (Den): 09/19/87

PLACE OF RE-EDUCATION: ① Long Thanh (4/75-76) ③ Khám Phan Đăng Lưu 2/81 - 8/82
 CAMP (Trai tu) ② Khám Chí Hoà (2/82 - 8/83) ④ Trại Cải tạo Tân Hiệp Bình Long 8/83-9/87

PROFESSION (Nghe nghiep): Teacher & Administrator

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): AID Program CSU Long Beach 2/67 to 6/70
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): lieutenant 2nd Corps 62-66
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): ① GVN Specialist 70-72
 ② Chief Dept. Housing Management Date (nam): 72-75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓ No (Khong):
 IV Number (So ho so): 214392

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 27/37 Dien Bien Phu Fuong 15
Quan Binh Thanh Hochiminh City VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Nguyen D. Truong Son
Inine CA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): X Son

NAME & SIGNATURE: Truong Son D Nguyen
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Truong Son D. Nguyen

DATE: 08 04 89
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyen Duy Trai
(listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Thi Doan	4/16/37	wife
Nguyen Thi Hoa Lu	11/17/74	daughter
Nguyen Duy Tinh Thuong	12/27/75	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN C.M.

Quận THANH MỸ, TÂY

Phường (Xã)

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu 1624

Năm 1975

Lập ngày 13 tháng 01 năm 1976

Họ tên	NGUYỄN DUY TÌNH THƯỢNG
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	Hai mươi bảy tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm
Nơi sanh	Quận Bình Hòa, Thành phố Hồ chí Minh
Họ tên, quốc tịch cha	Nguyễn Duy Trại, Việt nam
Họ tên, quốc tịch mẹ	Nguyễn Thị Doan, việt Nam
Cha mẹ có hôn thú không	///

SAO LỤC

Thành phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 18 tháng 05 năm 1976

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



Nguyễn Nùng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: 5

PHƯỜNG NGUYEN TRAI

Số hiệu: 3342

lệ phí 10\$

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 19 tháng 11 năm 19 74 NG/6

Tên họ đứa trẻ. . . .	NGUYEN THI HOA LU
Con trai hay con gái. .	gũ
Ngày sanh.	mười bảy tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn hồi 20g45
Nơi sanh.	128 HUNG VƯƠNG
Tên họ người cha. . .	NGUYEN DUY TRAI
Tên họ người mẹ. . .	NGUYEN THI ĐOAN
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	PHAN KHAC THIEU

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 19 tháng 11 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch,



NGUYỄN-VĂN-XANH

NGUYỄN-VĂN-XANH

Xã, Thị trấn :

Thị xã, Quận :

Thành phố, Tỉnh : HGSG

THẺ VỊ

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 6654/Thủy
Quyển số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên :	NGUYỄN THỊ DOAN		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm :	Mười sáu, tháng tư, năm một chín ba bảy (16-4-1937)			
Nơi sinh	Làng Lý Nhân, Hà Nam			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN ĐẠI		TRẦN THỊ TỶ	
Dân tộc Quốc tịch				
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	//		//	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	cha khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 12 năm 1985

Đăng ký ngày 20 tháng 10 năm 1955

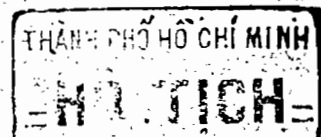
(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND TP. HCM ký tên đóng dấu



phó ban phòng

Phan Kim Thảo



14214392

NAM PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ HÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Tn/6

HÀNH-CHÁNH QUẬN 5

Số hiệu: 0210A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

NIÊN

Lệ phí quân vụ

Tên, họ đức nhỏ.	NGUYỄN VĂN THIỆN SƠN	
Phối	Nam	
Ngày sanh.	hai mươi bảy tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, hai giờ 20	
Nơi sanh.	Thị	hàng Tôn thất Hiệp
Tên, họ người Cha . .	NGUYỄN	DIỆP THAI
Tuổi	ba mươi	
Nghề-nghiep.	Quân nhân	
Nơi cư-ngy	173/06	đường Nguyễn Thiện Thuật
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN	THỊ ĐOAN
Tuổi	hai mươi chín	
Nghề-nghiep.	hội trợ	
Nơi cư-ngy.	173/06	đường Nguyễn Thiện Thuật
Vợ chánh hay thứ . . .	vợ chánh	

lập tại Saigon, ngày _____ tháng _____ năm 1966

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày _____ tháng _____ năm 1966

T. L. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN



NGUYỄN NGỌC-CHƯƠNG

VIỆT NAM CỘNG HÒA
PHỦ TƯỚNG
TỔNG CỤC PHÁT TRIỂN GIA CƯ
NHA DOANH LÝ
60 Đoàn Thị Điểm
SAIGON

CHUNG THƯ HÀNH CHÍNH

số 072/TCGC/DL/VT

Giám Đốc Nha Doanh Lý Tổng Cục Phát triển
Gia cư, chứng nhận:

Ông: NGUYỄN - DUY - TRẠI
sinh ngày 10-7-1936 tại Hải Dương, căn cước số
00817353 cấp tại Saigon ngày 29-7-1970.
hiện giữ chức vụ: Chánh sự vụ sở Điều Hành Nha
Doanh Lý Tổng Cục Phát triển Gia cư.

Nay cấp giấy này cho ông Nguyễn Duy Trại để
tùy nghi tiện dụng.

Saigon, ngày 26 tháng 7 năm 1974

Giám Đốc Nha Doanh Lý

Nơi nhận:

- Ông Nguyễn Duy Trại (bản)
- VP/Tổng Cục Trưởng
- Hồ sơ
- Lưu.

L.S. Nguyễn Thế Hùng

copy

THAM CHIEU :- Nghị-Định số 421/QP/KĐ ngày 20-06-
1966 của Bộ Quốc-Phòng

VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN ĐOÀN II
BỘ TƯ LỆNH
PHÒNG TONG QUAN TRI

-o-

CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

-----0000000-----

TRIỆU-TƯỚNG VĨNH-LỘC TƯ-LỆNH QUÂN-ĐOÀN II KIỂM TƯ-LỆNH VÙNG 2 CHIẾN-THUẬT

Chúng nhận : Triệu-Ủy TB NGUYỄN - DUY - TRAI Số quân 56/104.912

Sinh ngày 16 tháng 7 năm 19 35 tại : Hải-Dương

Con ông NGUYỄN - DUY - NGƯỜI và bà : NGUYỄN - THỊ - HY

Nhập ngũ vào QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ ngày 27 / 08 / 19 62

đã được giải ngũ ngày : 30 tháng 09 năm 19 66

LY DO :- Mãn nhiệm kỳ bắt buộc (04 năm quân-vụ)

Đương sự khai về cư trú tại : 175/20 Nguyễn-Thiện-Thuyết Sài Gòn

-Đương sự

BAO Y RAN CHÍNH

KBC. 4.579, ngày 01 - 8 / năm 19 66

Triệu-Tá NGUYỄN - PHÂN
Trưởng Phòng Tổng Quan-Tri
Quân-Đoàn 2 và Vùng 2 Chiến-Thuật

Đại-Tá LE-TRUNG-TƯỜNG
Tham-Mưu-Trưởng
Ký tên : và đóng dấu



CALIFORNIA STATE UNIVERSITY, LONG BEACH

CENTER FOR INTERNATIONAL EDUCATION

International Admissions
(213) 498-5476

December 3, 1985

To Whom It May Concern:

Mr. Nguyen Duy Trai attended California State University, Long Beach from the Fall of 1967 through Spring 1970 as a regular fully matriculated student. I hope this information will be of assistance to Mr. Trai. If you need any further information please do not hesitate to contact me directly.

Sincerely,

A handwritten signature in dark ink, appearing to read "G. La Due".

George La Due, Director
International Admissions

GLD:mg

sent. 20
esults

(213) 498-4106 Telex-887377 Cable-"CSULB"

1250 Bellflower Boulevard Long Beach, California 90840

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOÀ BANMETHUOT

(1) Ngày 9-9-1960

Giấy thế-vi khai sanh

cho Nguyễn-Duy-Trai

(1) số 105

Trích-lục văn-kiện thế-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H.G.R.Q. BANMETHUOT

Một bản chánh giấy thế-vi Khai sanh

do Nguyễn-Duy-Trai xin cấp đã được

Ơ Vũ-Thiện-Nhu Chánh-Án Toà HGRQ BANMETHUOT

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 9 tháng 9 năm 1960

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

NGUYEN DUY TRAI, sanh ngày 16.7.1936
tại làng Thượng-Đáp, Tỉnh Hải-Dương
con của Nguyễn-Duy-Nguu và Nguyễn-thị-Hy ./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Banmethuot, ngày 15 tháng 9 năm 1960

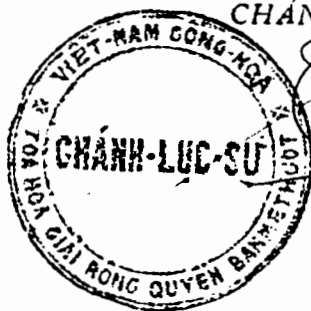
CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ phí: 5\$

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

B.L. số 528/20

Đ.K. Tuy



Việt Nam ngày 25-05-1990.

Kính gửi: Hội gia đình tù nhân chiến tại Việt Nam
PO Box 5435 - Arlington VA. 22205-0635
Tel. 703-560-0058

Kính thưa quý hội,

Ngày khi tôi mới ra trại cải tạo (1987), nghe tin quý hội có chức năng lo cho các tù nhân chiến tại VN mới trở về trại cải tạo - đặc biệt là giúp về mặt thủ-tục xin sang Mỹ tại Hoa Kỳ. Tôi đã hai lần gửi báo và Intake form tới quý hội để xin giúp đỡ, nhưng chưa được phản đáp.

Tôi đã bỏ trú ẩn tại Sở Công an tại Bangkok. IV: 214392

I171 số 1-130 ngày 02 October 1989; người bảo lãnh là Nguyễn D. Tự Sơn (cư trú tại)
Nay gia đình tôi đã ký đồng ý với Sở Ngoại vụ thành phố HCM (VN) ngày 25-5-1990. Theo hợp đồng này gia đình tôi sẽ đóng cấp hồ sơ xin
xuất cảnh ngày 30-8-1990.

Vậy tôi viết báo này kính xin quý hội xem xét lại hồ sơ, cần thiết giúp gia đình tôi sớm được chính phủ Hoa Kỳ chấp thuận cho nhập cảnh, điều kiện phối hợp của hai chính phủ HO và ODP.

Còn hai tôi lớn tuổi, ở Miền Tây (Calif.) xa xôi và không rõ về mặt thủ-tục xin nhập cảnh.

Tôi mong đồng hội trên và ý kiến của quý hội giúp đỡ.

Trân trọng:

- 1- Giấy ra trại lần 1. (1-1-1976)
giấy ra trại 2 (4-9-1987)

Rất chân thành và cảm tạ.

Nguyễn Trại

BỘ NỘI VỤ
Trại **Tập Hiệp**
Số **653** /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **109/QĐ - PC24** ngày **14** tháng **09** năm **1987**

của **GIÁM ĐỐC CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN DUY TRẠI** Sinh năm **36**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Hải Hưng**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1139 H/S T. lập Phường 5 T. Bình

Cán tội **Tham gia tổ chức phản cách mạng**

Bị bắt ngày **06/08/1981** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số **308** ngày **19** tháng **11** năm **1982** của

Ủ ban nhân dân TP Hồ Chí Minh

Đã bị täng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **1139 H/S T. lập Phường 5 T. Bình**

Nhận xét quá trình cải tạo

Chỉ tạo không vi phạm tại mới

Tha về ở trú quán

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lưu tay ngón trở phải

Nguyễn Duy Trại

Danh bản số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký

Người được cấp giấy

Ngày

tháng

năm 19 **87**

Trưởng trại

(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập — Dân chủ — Hòa bình — Thống nhất

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điều 9 của Bản tuyên bố của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam về chính sách đối với vùng mới giải phóng;
- Căn cứ vào bản công bố chính sách đối với những sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính ngụy và nhân viên trong bộ máy chính quyền của Mỹ ngụy;
- Theo đề nghị của Ban phụ trách Trại quản huấn 15-NV

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1. — Quản chế NGUYỄN DUY TRẠI tuổi 1936
Quê quán Hải Hưng
Trú quán 20 lô 6 cư xá Thanh Đa Gia Định
Dân tộc Kinh
Trong thời hạn 12 tháng tại 20 lô 6 cư xá Thanh Đa Gia Định
(kể từ 1-1/1976)
- Điều 2. — Khi về, đương sự phải trình quyết định này với Ủy ban nhân dân cách mạng, Ban an ninh nội chính nơi mình cư trú và cơ quan nơi mình làm việc và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương.
- Điều 3. — Ủy ban nhân dân cách mạng, Ban an ninh nội chính xã, khóm nơi đương sự thi hành quyết định này theo luật lệ hiện hành. cư trú

Tỉnh, thành phố HỒ. C. MINH ngày 31 tháng 12 năm 1975

T/M ỦY BAN QUẢN QUẢN



HỒ VĂN ĐẠI

Chứng thật. 5/1/76.
A/S có liên tính tại chính
quyền địa phương. Kính chuyển
ban An Ninh Phường.

Chữ ký không T


H. Cầm

Chứng thật.

Anh Nguyễn duy Tài có liên tính dân
tại công ty xây dựng nhà 3' (là có quan hệ
thờ cho hàng xóm gia cư - nơi mà anh Tài
đã làm việc trước đây). Vào sáng ngày 6/1/76

Tham gia Hội Chi Minh Ngày 6/1/76
T/M Công ty xây dựng nhà 3'
Phụ Chủ nhiệm

xác nhận

Trưởng Ban



Li Quang Nam

NĐ Trại 27/37 Điện Biên Phủ

Phạm Văn Thanh

Hanoi City

Việt Nam

VIETNAM

0558

1969

TR HO CHI MINH

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

1969

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
PO Box 5435 Arlington VA 22205-0635
Tel.

USA

JUL 10 1997

PAR AVION VIA AIR MAIL

PAR AVION

Truongson Nguyen

Thank you for using
Return Receipt Service.

RETURN RECEIPT
REQUESTED

FIRST CLASS MAIL

P 072 469 002

FIRST CLASS MAIL

FAMILY OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION

RETURN RECEIPT
REQUESTED

P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635

8/17/89

AUG 23 1989

Is your RETURN ADDRESS
completed on the reverse side?

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form 06/10/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter